

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 20 - 9 - 2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Phượng.

Ông Ngô Quốc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2024, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày: Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2009. Đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm. Đến năm 2019, vợ chồng thường xuyên cãi vã do ông Đ hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không lo gia đình, thường xuyên đánh vợ, con, đập phá tài sản trong nhà. Năm 2020 vợ chồng không chung sống với nhau. Đến năm 2023 thì bà H gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Sau khi Tòa án hòa giải thì vợ chồng hàn gắn trở về chung sống. Nhưng đến nay thì ông Đ không thay đổi tính tình dẫn đến mâu

thuần vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ có ba người con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 19/10/2010; Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 18/3/2013 và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 08/7/2023. Khi ly hôn, bà H yêu cầu giải quyết về con chung theo nguyện vọng, đối với Nguyễn Hoài A, sinh ngày 08/7/2023 còn nhỏ nên bà H yêu cầu được nuôi đến khi Hoài A đủ tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Đ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Đ không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Lý Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị H; Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 19/10/2010 (theo nguyện vọng) đến khi đủ 18 tuổi; Giao cho bà Lý Thị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 18/3/2013 (theo nguyện vọng) và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 08/7/2023 đến khi cháu T1 và cháu A đủ 18 tuổi. Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lý Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội dung:

[2] Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2009. Đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57/2014 ngày 01/7/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông Đ về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 177/TB-TLVA ngày 13/6/2024, nhưng ông Đ vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Nay bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đ. Xét thấy, bà H và ông Đ không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị H.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ có ba người con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 19/10/2010; Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 18/3/2013 và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 08/7/2023. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 cháu Nguyễn Bích T có nguyện vọng được sống với cha nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2024 cháu Nguyễn Hoài T1 có nguyện vọng sống với mẹ và đối với con chung Nguyễn Hoài A, sinh ngày 08/7/2023 dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao hai người con Hoài T1 và Hoài A cho bà Lý Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp

300.000 đồng theo biên lai thu số 0005525 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà H đã thực hiện xong.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị H được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Nguyễn Bích T, sinh ngày 19/10/2010 (theo nguyện vọng) cho đến đủ 18 tuổi. Giao cho bà Lý Thị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 18/3/2013 (theo nguyện vọng) và Nguyễn Hoài A, sinh ngày 08/7/2023 đến đủ 18 tuổi.

Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Lý Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005525 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà H đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã N,
huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ